

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN HỌC: NGỮ VĂN- KHỐI LỚP 7
(Năm học 2024 - 2025)

(Kèm theo Kế hoạch Số 662/KH- TrTHCS, ngày 27/8/2024 của trường THCS Hồng Thái Đông)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 05; Số học sinh: 222 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): Không

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 25; Trình độ đào tạo: Đại học: 24; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 22; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0 (03 GV hợp đồng dưới 01 năm)

3. Thiết bị dạy học: Các thiết bị dạy học có thể sử dụng dạy học môn học/hoạt động giáo dục

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	1/GV	Tất cả các bài học	Trừ các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì
2	Ti vi	1/Lớp	Tất cả các bài trong chương trình	

II. Kế hoạch dạy học

1.Phân phối chương trình

STT	Bài học/bài kiểm tra, đánh giá định kì (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Ghi chú
HỌC KỲ I				
BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ (13 TIẾT)				
1	Văn bản 1. Bầy chim chìa vôi (3 tiết)	1,2,3	1. Về kiến thức - Hai VB truyện (VB đọc chính) và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về chủ đề tuổi thơ. - Tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ và mở rộng thành	
2	Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ (1 tiết)	4		
3	Văn bản 2. Đi lấy mật (3 tiết)	5,6,7		

4	Thực hành tiếng Việt: Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ (1 tiết)	8	phần chính của câu bằng cụm từ. - Tóm tắt VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài. - Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.
5	Văn bản 3. Ngàn sao làm việc (1 tiết)	9	2. Về năng lực
6	Viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài (2 tiết)	10,11	* Năng lực chung - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong đọc hiểu văn bản, thực hành tiếng Việt, thực hành văn bản viết, nói và nghe.
7	Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm (1 tiết)	12	* Năng lực đặc thù - Nêu được ấn tượng chung về VB và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB. - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện. - Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu. - Biết tóm tắt một VB theo những yêu cầu khác nhau về độ dài. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.
8	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	13	3. Về phẩm chất - Nhân ái, trách nhiệm: Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống. *Tích hợp Quốc phòng và an ninh: Một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội.
Bài 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN (12 TIẾT)			

9	Văn bản 1. Đồng dao mùa xuân (2 tiết)	14,15	1. Về kiến thức - Hai VB thơ (VB đọc chính) và một bài tản văn (VB kết nối về chủ đề) viết về tình yêu con người, cuộc sống. - Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, nghĩa của từ ngữ. - Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. - Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ tác phẩm văn học đã đọc). 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong đọc hiểu văn bản, thực hành tiếng Việt, thực hành văn bản viết, nói và nghe. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này. - Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất	
10	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh (1 tiết)	16		
11	Văn bản 2. Gặp lá cơm nếp (1 tiết)	17		
12	Văn bản 3. Trờ gió (1 tiết)	18		
13	Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ; Biện pháp tu từ (1 tiết)	19		
14	Viết: Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ (2 tiết)	20,21		
15	Viết :Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ (2 tiết)	22,23		
16	Nói và nghe: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (1 tiết)	24		
17	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	25		

			- Yêu nước, trách nhiệm: Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.	
BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG (13 TIẾT)				
18	Văn bản 1. Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (3 tiết)	26,27,28	1. Về kiến thức - Hai VB truyện (VB đọc chính) và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về tình yêu thương - tình cảm nuôi dưỡng tâm hồn con người. - Đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. -Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học). 2. Về năng lực *Năng lực chung - NL giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể. - Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện. - Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.	
19	Thực hành tiếng Việt: Số từ (1 tiết)	29		
20	Văn bản 2. Người thầy đầu tiên (2 tiết)	30,31		

			- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.	
21	Ôn tập giữa kì I (1 tiết)	32	1. Về kiến thức - Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về các văn bản, ấn tượng chung về các văn bản qua các chi tiết, đề tài, tính cách nhân vật trong truyện, các hình ảnh ngôn ngữ trong thơ. - Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, số từ, phó từ; cách sử dụng từ đơn, từ láy; nghĩa của từ ngữ; các biện pháp tu từ. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ; viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Hướng học sinh tới các năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, hợp tác, v.v... <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực ngôn ngữ khi ôn luyện nội dung các văn bản đọc. - Năng lực viết khi trình bày suy nghĩ, cảm nhận trong bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt chăm chỉ, trung thực, tích cực học tập, có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập của mình.	

22	Kiểm tra giữa kì I (2 tiết)	33,34	1. Về kiến thức - Đánh giá được năng lực đọc hiểu, năng lực viết đoạn văn, bài văn về các thể loại/ chủ đề đã học (truyện kể theo ngôi 1 và ngôi 3); nắm được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ, mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, số từ, phó từ; cách sử dụng từ đơn, từ láy; nghĩa của từ ngữ; các biện pháp tu từ. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ; viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực: Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.	
23	Thực hành tiếng Việt: Phó từ (1 tiết)	35	1. Về kiến thức - Hai VB truyện (VB đọc chính) và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về tình yêu thương - tình cảm nuôi dưỡng tâm hồn con người. - Đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.	
24	Văn bản 3. Quê hương (1 tiết)	36		
25	Viết: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (2 tiết)	37,38		
26	Nói và nghe: trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (1 tiết)	39		

27	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	40	-Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học). 2. Về năng lực *Năng lực chung - NL giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể. - Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện. - Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. - Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất - Nhân ái, trách nhiệm:Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.	
28	Đọc mở rộng (1 tiết)	41	1. Về kiến thức - Đặc điểm thể loại: đề tài và chi tiết, tính cách nhân vật, một số hình thức của thơ bốn chữ và thơ năm chữ, sự thay	

			đôi kiểu người kể chuyện. Những nội dung chính và chủ đề của mỗi VB vừa đọc. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong đọc hiểu văn bản. * Năng lực đặc thù - HS biết vận dụng kiến thức và kỹ năng được học trong bài 1,2,3 để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB chính đã học trong những bài này; trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng tại lớp. - HS nêu được; trình bày được đặc điểm tính cách nổi bật của nhân vật trong một truyện kể, những thay đổi đối với truyện kể khi ngôi kể thay đổi; nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ hoặc bài thơ năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. 3. Về phẩm chất - Yêu nước, nhân ái: Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước	
BÀI 4: GIAI ĐIỀU ĐẤT NƯỚC (12 TIẾT)				
29	Văn bản 1. Mùa xuân nho nhỏ (3 tiết)	42,43,44	1. Về kiến thức	
30	Thực hành Tiếng Việt: Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh (1 tiết)	45	- Hai VB thơ (VB đọc chính) viết về tình cảm đối với quê hương, đất nước và một VB nghị luận văn học (VB kết nối về chủ đề) phân tích một bài thơ có chủ đề quê hương, đất nước. - Khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, dấu	

			câu. - Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. 2. Về năng lực *Năng lực chung - NL giao tiếp và hợp tác trong làm việc và trình bày sản phẩm nhóm. - Tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Giải quyết vấn đề, tạo lập văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh. - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Yêu mến tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.	
31	Trả bài kiểm tra giữa kì I (1 tiết)	46	1. Về kiến thức - Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, viết về văn bản phân truyện ngắn và thơ 4 chữ, 5 chữ, kiến thức phần TV về các loại từ, các phép tu từ, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ. 2. Về năng lực *Năng lực chung	

			NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. * Năng lực đặc thù - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình khi viết văn.	
32	Văn bản 2. Gò Me (2 tiết)	47,48	1. Về kiến thức - Hai VB thơ (VB đọc chính) viết về tình cảm đối với quê hương, đất nước và một VB nghị luận văn học (VB kết nối về chủ đề) phân tích một bài thơ có chủ đề quê hương, đất nước. - Khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, dấu câu. - Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. 2. Về năng lực * Năng lực chung - NL giao tiếp và hợp tác trong làm việc và trình bày sản phẩm nhóm. - Tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà. - Giải quyết vấn đề, tạo lập văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ	
33	Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ; Dấu câu; Biện pháp tu từ (1 tiết)	49		
34	Văn bản 3. Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi (1 tiết)	50		
35	Viết: Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc (2 tiết)	51,52		
36	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng (1 tiết)	53		
37	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	54		

			đúng với ngữ cảnh. - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Yêu mến tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.	
BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN (12 TIẾT)				
38	Văn bản 1. Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt (3 tiết)	55,56,57	1. Về kiến thức - Hai VB tùy bút, tản văn (VB đọc chính) và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) viết về sự đa dạng của đời sống, văn hoá của nhiều vùng miền. - Dấu câu, Biện pháp tu từ, Từ ngữ địa phương. - Viết VB tường trình. - Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp . - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt về Dấu câu, Biện pháp tu từ, Từ ngữ địa phương. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.	
39	Thực hành tiếng Việt: Dấu câu, Biện pháp tu từ (1 tiết)	58		
40	Văn bản 2. Chuyện cơm hến (2 tiết)	59,60		
41	Thực hành tiếng Việt: Từ ngữ địa phương (1 tiết)	61		
42	Văn bản 3. Hội lồng tồng (1 tiết)	62		

			- Nhận biết được sự đa dạng, phong phú của ngôn ngữ các vùng miền. - Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.	
43	Ôn tập cuối kì I (2 tiết)	63,64	1. Về kiến thức - Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về các thể loại văn bản đã đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về Tiếng Việt đã học trong Học kì I. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực ngôn ngữ khi ôn luyện nội dung các văn bản đọc. - Năng lực viết khi trình bày suy nghĩ, cảm nhận trong bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực: Có trách nhiệm trong việc ôn tập; chăm chỉ, tự giác học bài.	
44	Kiểm tra cuối kì I (2 tiết)	65,66	1. Về kiến thức - Thể hiện hiểu biết về kiến thức đã học qua kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng viết đoạn văn, bài văn về các thể loại/ chủ đề	

			đã học (thơ bốn chữ, năm chữ: bút kí, tản văn, văn bản tường trình); nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Nhận biết, hiểu và phân tích nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa, điệp ngữ); dấu câu (dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn); từ ngữ địa phương. - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực: Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.	
45	Viết: Viết văn bản tường trình (2 tiết)	67,68	1. Về kiến thức - Hai VB tùy bút, tản văn (VB đọc chính) và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) viết về sự đa dạng của đời sống, văn hoá của nhiều vùng miền. - Đặc điểm của Dấu câu, Biện pháp tu từ, Từ ngữ địa phương. - Viết VB tường trình. - Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i>	
46	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong XH hiện đại (1 tiết)	69		
47	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	70		
48				

			- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp . - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt về Dấu câu, Biện pháp tu từ, Từ ngữ địa phương. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản. - Nhận biết được sự đa dạng, phong phú của ngôn ngữ các vùng miền. - Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.	
49	Đọc mở rộng (1 tiết)	71	1. Về kiến thức - HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4,5. Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới thuộc thể loại thơ, tùy bút, tản - Nắm được những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ và chất trữ tình, cái tôi của nhà văn, ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tùy bút hay tản văn. 2. Về năng lực	

			*<i>Năng lực chung</i> - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong đọc hiểu văn bản. * <i>Năng lực đặc thù</i> - HS biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học trong bài 4,5 để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB chính đã học trong những bài này; trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng tại lớp. - HS nêu, trình bày được đặc điểm nổi bật của văn bản, nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. 3. Về phẩm chất - Yêu nước: Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.	
50	Trả bài kiểm tra cuối kì I (1 tiết)	72	1. Về kiến thức - Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, viết về văn bản tùy bút kiến thức phần TV về nghĩa của từ, các phép tu từ, viết bài văn biểu cảm. 2. Về năng lực *<i>Năng lực chung</i> - NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. * <i>Năng lực đặc thù</i> - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất	

			- Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình khi viết văn.	
HỌC KỲ II				
BÀI 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG (12 TIẾT)				
51	Văn bản 1. Đèo cày giữa đường (2 tiết)	73,74	1. Về kiến thức - Các VB truyện ngụ ngôn, tục ngữ (VB đọc chính) và một VB truyện truyền kì (VB kết nối về chủ đề) viết về những bài học đúc kết từ cuộc sống. - Đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá. - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành). - Kể lại một truyện ngụ ngôn. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề. - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần. - Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá.	
52	Văn bản 2.Ếch ngồi đáy giếng (1 tiết)	75		
53	Văn bản 3. Con mồi và con kiến (1 tiết)	76		
54	Thực hành tiếng Việt: Thành ngữ (1 tiết)	77		
55	Văn bản 4. Một số câu tục ngữ VN (1 tiết)	78		
56	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói quá (1 tiết)	79		
57	Văn bản 5. Con hổ có nghĩa (1 tiết)	80		
58	Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (2 tiết)	81,82		
59	Nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn (1 tiết)	83		
60	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	84		

			- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. - Biết kể lại được một truyện ngụ ngôn: kể đúng truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt hấp dẫn. 2. Về phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, trách nhiệm. <i>* Tích hợp Quốc phòng và an ninh: Một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội.</i>	
BÀI 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG (12 TIẾT)				
61	Văn bản 1. Cuộc chạm trán trên đại dương (3 tiết)	85,86,87	1. Về kiến thức - Hai VB truyện khoa học viễn tưởng (VB đọc chính) viết về thế giới tưởng tượng dựa trên cơ sở khoa học và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) viết về niềm đam mê khám phá thế giới. - Đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản. - Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. - Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực; Tiếp nhận được văn bản, nghệ thuật; Biết chủ động	
62	Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết (1 tiết)	88		
63	Văn bản 2. Đường vào trung tâm vũ trụ (2 tiết)	89,90		
64	Thực hành tiếng Việt: Dấu câu (1 tiết)	91		
65	Văn bản 3. Dấu ấn Hồ Khanh (1 tiết)	92		
66	Viết: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử (2 tiết)	93,94		
67	Nói và nghe: Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người (1 tiết)	95		
68	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	96		

			đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm. Biết hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. - Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản. - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. - Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận. - Kể lại được một truyện cổ tích bằng lời kể của một nhân vật. 3. Về phẩm chất - Yêu nước, nhân ái: biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biết khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực. * Tích hợp Quốc phòng và an ninh: Một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội.	
69	Đọc mở rộng (1 tiết)	97	1. Về kiến thức - Kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi - Kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới lạ tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng 2. Về năng lực *Năng lực chung	

			- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong đọc hiểu văn bản. * Năng lực đặc thù - HS chia sẻ kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB đọc chính trong bài 6,7. - HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới lạ tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tìm hiểu, đọc các văn bản.	
BÀI 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH (13 TIẾT)				
70	Văn bản 1. Bản đồ dẫn đường (3 tiết)	98,99, 100	1. Về kiến thức - Hai VB nghị luận (VB đọc chính) và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về ý nghĩa của trải nghiệm đối với quá trình trưởng thành của mỗi con người. - Đặc điểm của Mạch lạc và liên kết các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; đặc điểm, chức năng của thuật ngữ. - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.	

			- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực về vấn đề được đặt ra trong văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản. - Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thật ngữ. - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. 3. Về phẩm chất - Trung thực, trách nhiệm: sống trung thực, thể hiện đúng suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.	
71	Ôn tập giữa kì II (1 tiết)	101	1. Về kiến thức - Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về các văn bản truyện ngụ ngôn, tục ngữ , truyện khoa học viễn tưởng. - Nhận biết được tác dụng của thành ngữ và các phép tu từ - Viết bài văn nghị luận và bài văn kể về nhân vật, sự việc... 2. Về năng lực *Năng lực chung - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... * Năng lực đặc thù - Năng lực ngôn ngữ khi ôn luyện nội dung các văn bản đọc.	

			- Năng lực viết khi trình bày suy nghĩ, cảm nhận trong bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực.	
72	Kiểm tra giữa kì II (2 tiết)	102,103	1. Về kiến thức - Nhận biết và trình bày được đặc trưng của truyện ngụ ngôn, tục ngữ, khoa học viễn tưởng. - Hiểu được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nhận biết, biết cách sử dụng thành ngữ, biện pháp tu từ (nói quá), công dụng của dấu câu (dấu chấm lửng); hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc. - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả; viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3 Phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực: Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.	
73	Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết (Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết) (1 tiết)	104	1. Về kiến thức	

74	Văn bản 2. Hãy cảm lấy và đọc (2 tiết)	105,106	- Hai VB nghị luận (VB đọc chính) và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về ý nghĩa của trải nghiệm đối với quá trình trưởng thành của mỗi con người. - Đặc điểm của Mạch lạc và liên kết các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; đặc điểm, chức năng của thuật ngữ. - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống. - Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực về vấn đề được đặt ra trong văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản. - Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ. - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. 3. Về phẩm chất	
75	Thực hành tiếng Việt: Thuật ngữ (1 tiết)	107		
76	Văn bản 3. Nói với con (1 tiết)	108		
77	Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (2 tiết)	109,110		
78	Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (1 tiết)	111		

			- Trung thực, trách nhiệm: sống trung thực, thể hiện đúng suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. <i>* Tích hợp Quốc phòng và an ninh: Một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội.</i>	
79	Trả bài kiểm tra giữa kì II (1 tiết)	112	1. Về kiến thức - Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, viết về truyện ngụ ngôn kiến thức phần TV về các phép tu từ, viết bài văn nghị luận. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. <i>* Năng lực đặc thù</i> - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình.	
80	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	113	1. Về kiến thức - Hai VB nghị luận (VB đọc chính) và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về ý nghĩa của trải nghiệm đối với quá trình trưởng thành của mỗi con người. - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). - Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống. 2. Về năng lực <i>*Năng lực chung</i> - Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.	

			- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực về vấn đề được đặt ra trong văn bản. * Năng lực đặc thù - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản. - Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thật ngữ. - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. 3. Về phẩm chất - Trung thực, trách nhiệm: sống trung thực, thể hiện đúng suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.	
BÀI 9: HÒA ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN (13 TIẾT)				
81	Văn bản 1: Thủy tiên tháng Một (3 tiết)	114,115, 116	1. Về kiến thức - Hai VB thông tin (VB đọc chính) và một VB tản văn (VB kết nối về chủ đề) viết về môi trường sống và cách chúng ta ứng xử với môi trường sống. - Đặc điểm, chức năng của cước chú; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó. - Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.	
82	Thực hành tiếng Việt: Cước chú (1 tiết)	117		
83	Văn bản 2. Lễ rửa làng của người Lô Lô (2 tiết)	118,119		
84	Văn bản 3. Bản tin về hoa anh đào (1 tiết)	120		
85	Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt...(1 tiết)	121		

86	Viết: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (3 tiết)	122,123, 124	- Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... * Năng lực đặc thù - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu văn bản hơn. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó. - Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.	
87	Nói và nghe: Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động (1 tiết)	125		
88	Chỉnh sửa bài viết, củng cố, mở rộng, thực hành đọc (1 tiết)	126	3. Về phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm; biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.	
89	Đọc mở rộng (1 tiết)	127	1. Về kiến thức -Nội dung và thông điệp chính của VB đọc; một số yếu tố đặc trưng của VB nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB yêu cầu về đọc hiểu hình thức VB 2. Về năng lực	

			*<i>Năng lực chung</i> - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm. - Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp. - Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong đọc hiểu văn bản. * <i>Năng lực đặc thù</i> - Với VB nghị luận, HS cần trình bày, trao đổi cụ thể hơn về các lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa ý kiến với lí lẽ, bằng chứng trong VB. Với VB thông tin, HS cần bao quát những cách triển khai VB thông tin phong phú hơn: Các ý tưởng và thông tin trong VB không chỉ triển khai theo trình tự thời gian, quan hệ nhân quả mà còn theo mức độ quan trọng hoặc theo các đối tượng được phân loại. - HS cũng cần chú ý đến chức năng của cước chú, tài liệu tham khảo và tác dụng biểu đạt của các phương tiện phi ngôn ngữ trong VB thông tin 3. Về phẩm chất - Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ	
BÀI 10: TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG (8 TIẾT)				
90	Thách thức đầu tiên: Chinh phục những cuốn sách mới (3 tiết)	128,129, 130	1. Về kiến thức - VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (VB đọc chính) và một VB "phỏng vấn" nhà văn (VB kết nối về chủ đề). - Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc. - Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách; trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách. 2. Về năng lực	

			*<i>Năng lực chung</i> - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... - Năng lực thu thập và lựa chọn được cuốn sách phù hợp, hay, bổ ích. - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách. * <i>Năng lực đặc thù</i> - Năng lực phân tích, so sánh đánh giá, liên hệ những vấn đề trong cuộc sống được gợi ra từ cuốn sách. - Phát triển kĩ năng tự đọc sách; đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó. - Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích. - Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, trách nhiệm: Yêu thích đọc sách, có ý thức giữ gìn sách và biết vận dụng những điều đã học vào thực tế.	
91	Ôn tập cuối kì II (2 tiết)	131,132	1. Về kiến thức - Ôn tập, củng cố kiến thức đã học về các thể loại văn bản đã đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về Tiếng Việt đã học trong Học kì II. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. 2. Về năng lực *<i>Năng lực chung</i>	

			- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác... * Năng lực đặc thù - Năng lực ngôn ngữ khi ôn luyện nội dung các văn bản đọc. - Năng lực viết khi trình bày suy nghĩ, cảm nhận trong bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực.	
92	Kiểm tra cuối kì II (2 tiết)	133,134	1. Về kiến thức - Hiểu và trình bày được kiến thức về văn bản thông tin và văn bản nghị luận văn học; nhận biết và thực hành sử dụng thuật ngữ, cước chú, các yếu tố Hán Việt. - Viết được bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, viết được bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc. 2. Về năng lực * Năng lực chung - Hướng học sinh tới các năng lực tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự quản bản thân trong quá trình làm bài kiểm tra. * Năng lực đặc thù - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Phẩm chất - Trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực: Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh.	
93	Viết: Thách thức thứ hai - Từ ý tưởng đến sản phẩm (3 tiết)	135,136, 137	1. Về kiến thức - VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (VB đọc chính) và một VB "phỏng vấn" nhà văn (VB kết nối về chủ đề).	
94	Nói và nghe: Về đích – Ngày hội với sách (2 tiết)	138,139		

			- Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc. - Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách; trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách. 2. Về năng lực *Năng lực chung - Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v... - Năng lực thu thập và lựa chọn được cuốn sách phù hợp, hay, bổ ích. - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của cuốn sách. * Năng lực đặc thù - Năng lực phân tích, so sánh đánh giá, liên hệ những vấn đề trong cuộc sống được gợi ra từ cuốn sách. - Phát triển kĩ năng tự đọc sách; đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó. - Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích. - Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ, trách nhiệm: Yêu thích đọc sách, có ý thức giữ gìn sách và biết vận dụng những điều đã học vào thực tế.	
95	Trả bài kiểm tra cuối kì II (1 tiết)	140	1. Về kiến thức - Qua giờ trả bài giúp HS thể hiện các năng lực đọc- hiểu, viết về văn bản nghị luận kiến thức phần TV về liên kết,	

			mạch lạc trong văn bản, các phép tu từ, viết bài văn nghị luận. 2. Về năng lực *Năng lực chung NL tự quản bản thân, NL sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và phản hồi tích cực. * Năng lực đặc thù - Năng lực văn học qua trình bày kiến thức đọc hiểu và viết bài văn, đoạn văn. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ, trách nhiệm, nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình khi viết văn.	
--	--	--	---	--

2. Kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ

Hình thức KTĐG (1)	Bài học (2)	Thời gian (3)	Thời điểm (4)	Công cụ (5)	Ghi chú (6)
Thường xuyên (1)	Bài 1,2,3	5 - 7 phút	Tuần 1 - 8	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập	Sản phẩm HS
Thường xuyên (2)	Bài 1,2	15 phút	Tuần 5	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK- giữa học kì 1	Bài 1,2,3	90 phút	Tuần 9	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT viết: Trắc nghiệm 60%, TL 40%
Thường xuyên (3)	Bài 4,5	5 - 7 phút	Tuần 10 - 16	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập	Sản phẩm HS
Thường xuyên (4)	Bài 4,5	15 phút	Tuần 15	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK - cuối học kì 1	Bài 1,2,3,4, 5	90 phút	Tuần 17	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT Tự luận 100%
Thường xuyên (5)	Bài 6, 7	5 - 7 phút	Tuần 19 - 25	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập	Sản phẩm HS
Thường xuyên (6)	Bài 6,7	15 phút	Tuần 22	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK- giữa học kì 2	Bài 6,7	90 phút	Tuần 26	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT Tự luận 100%
Thường xuyên (7)	Bài 8,9,10	5 - 10 phút	Tuần 27 - 33	Câu hỏi, bài tập, hồ sơ học tập	Sản phẩm HS
Thường xuyên (8)	Bài 8,9	15 phút	Tuần 30	Câu hỏi, phiếu đánh giá	Sản phẩm HS
ĐK - cuối học kì 2	Bài 6,7,8, 9	90 phút	Tuần 34	Ma trận, Đề kiểm tra	Bài KT Tự luận 100%